

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN tăng cường rút ròng khi USDVND tăng trở lại

NHNN tăng cường hút thanh khoản

Trong tuần 49, NHNN tăng cường hút thanh khoản từ hệ thống ngân hàng trong bối cảnh áp lực thanh khoản đã giảm trong các tuần gần đây. Cụ thể, NHNN phát hành 30.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn trong khi 54.00 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến hút ròng 24.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Ngoài ra, 20.48 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành mới trong khi 4.25 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần, dẫn đến mức hút ròng 16.23 nghìn tỷ đồng thông qua công cụ tín phiếu. Tổng cộng, NHNN đã hút ròng 40.22 nghìn tỷ đồng thanh khoản từ hệ thống ngân hàng trong tuần này.

Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng đã tăng ở các kỳ hạn ngắn, trong khi các kỳ hạn dài hơn không thay đổi. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, và 3 tháng lần lượt tăng 4đcb, 20đcb, 7đcb, 12đcb và 25đcb, đạt mức 3.70%, 4.00%, 4.20%, 4.35% và 4.80%. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày giảm đáng kể với mức giảm 17.11% so với tuần trước, xuống còn 361.57 nghìn tỷ đồng.

Áp lực USDVND đã dịu lại

Tuần này, tỷ giá USDVND đã quay lại đà tăng sau khi giảm mạnh trong tuần trước, động lực chủ yếu do sự phục hồi của chỉ số DXY. Tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng tăng 0.15% tương đương 39 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,385 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường toàn cầu, DXY tăng 0.30%, đạt mức 106.1 vào cuối tuần. Chỉ số DXY tăng mạnh đầu tuần nhờ dữ liệu kinh tế tích cực từ Mỹ, đặc biệt là chỉ số PMI ngành sản xuất. Bên cạnh đó, tuyên bố của Tổng thống Trump về việc Mỹ đe dọa áp đặt thuế quan 100% đối với các quốc gia BRICS nếu họ phát triển một đồng tiền chung đã thúc đẩy tâm lý đầu tư vào đồng USD. Nếu Fed giảm lãi suất trong cuộc họp sắp tới, USD có thể mất đà tăng và điều chỉnh giảm trong những tuần tới. Trong nước, khối ngoại cũng quay lại bán ròng nhẹ trên HOSE, với tổng giá trị là 160 tỷ đồng, chiếm 0.2% giá trị giao dịch tuần.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	Corr. ¹
FDI %n/n	9.4	9.5	5.3	13.2	7.6	-6.7	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.9	8.6	8.4	7.1	9.4	8.8	-0.18
Xuất khẩu %n/n	13.1	20.2	14.5	11.0	10.3	8.2	-0.16
Nhập khẩu %n/n	14.7	25.0	12.4	11.5	13.8	9.8	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	3.2	2.4	4.5	2.3	2.0	1.1	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.17	0.48		0.29	0.33	0.13	-0.07
Tín dụng %n/n	15.3	15.3	15.7	16.1	16.6	15.8	-0.23
USDVND %t/t	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	2.91	0.16	-0.39
PMI(Điểm)	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	50.8	-0.25
VNINDEX %t/t	-1.2	0.7	2.6	0.8	-1.8	-1.1	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN tăng cường hút thanh khoản.....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn ngắn	3
III. Lợi suất TPCP phân hóa.....	4
IV. USDVND quay lại đà tăng	6
Tổng kê ví mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

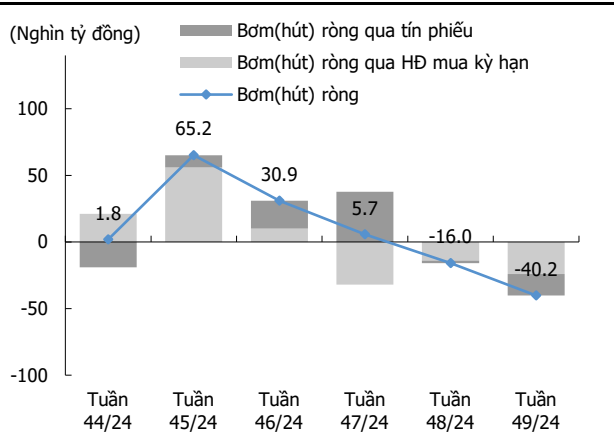
I. NHNN tăng cường hút thanh khoản

NHNN tăng cường hút thanh khoản trong bối cảnh áp lực thanh khoản giảm bớt và áp lực tỷ giá gia tăng

Trong tuần 49W24 (từ ngày 2 đến ngày 6 tháng 12), NHNN tăng cường hút thanh khoản từ hệ thống ngân hàng trong bối cảnh áp lực thanh khoản đã giảm trong các tuần gần đây. Cụ thể, NHNN phát hành 30.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua lại kỳ hạn trong khi 54.00 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến hút ròng 24.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Ngoài ra, 20.48 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành mới trong khi 4.25 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần, dẫn đến mức hút ròng 16.23 nghìn tỷ đồng thông qua công cụ tín phiếu. Tổng cộng, NHNN đã hút ròng 40.22 nghìn tỷ đồng thanh khoản từ hệ thống ngân hàng trong tuần này.

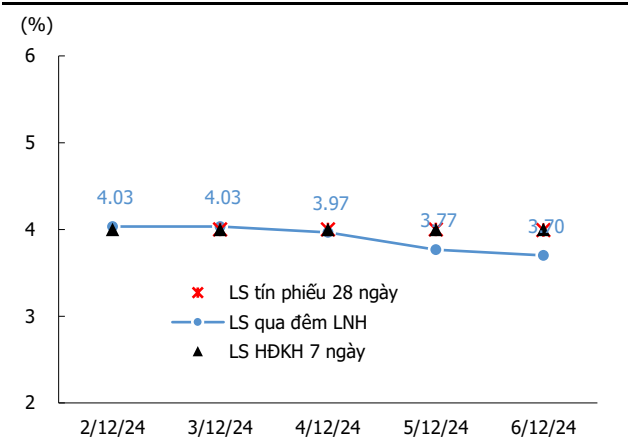
Trong tuần, trước diễn biến giảm sâu của lãi suất liên ngân hàng khi thanh khoản trong hệ thống đã dần ổn định, NHNN đã chào thầu trở lại tín phiếu kỳ hạn 14 ngày trong khi vẫn tiếp tục phát hành tín phiếu kỳ hạn 28 ngày. Hành động này được cho là nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, tránh trường hợp lãi suất VND trên thị trường hai giảm sâu, gây áp lực lên tỷ giá.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
2/12/24	9/12/24	7	10.00	4.00
3/12/24	10/12/24	7	10.00	4.00
4/12/24	11/12/24	7	8.00	4.00
5/12/24	12/12/24	7	1.00	4.00
6/12/24	13/12/24	7	1.00	4.00
Tổng		7	30.00	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành tín phiếu kỳ hạn 14 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
2/12/24	16/12/24	14	1.50	3.90
3/12/24	17/12/24	14	1.30	3.95
4/12/24	18/12/24	14	0.25	3.95
5/12/24	19/12/24	14	5.33	4.00
6/12/24	20/12/24	14	4.00	4.00
Tổng		14	12.38	3.96

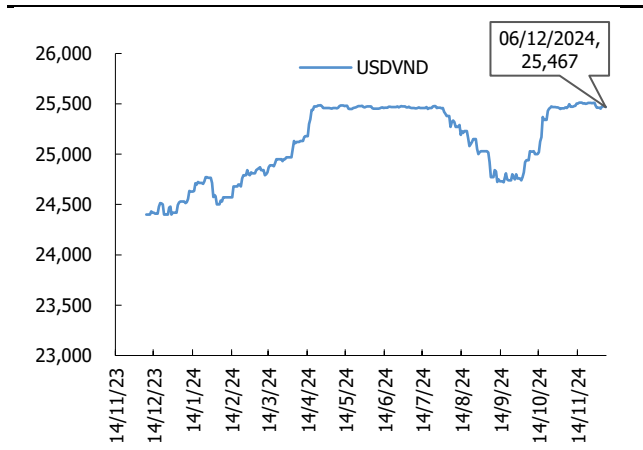
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
3/12/24	31/12/24	28	3.50	4.00
4/12/24	1/1/25	28	0.30	4.00
5/12/24	2/1/25	28	3.80	4.00
6/12/24	3/1/25	28	0.50	3.99
Total		28	8.10	4.00

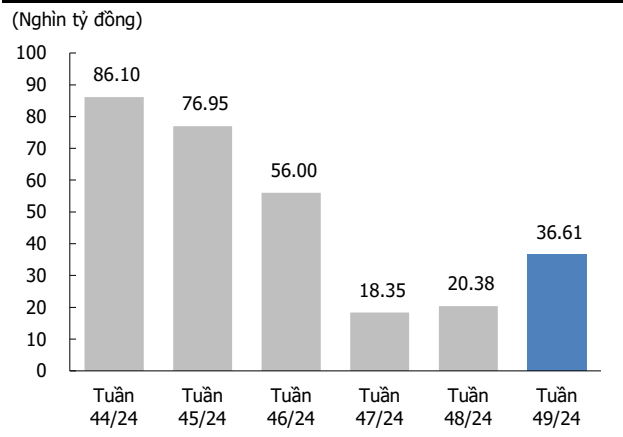
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Diễn biến USDVND



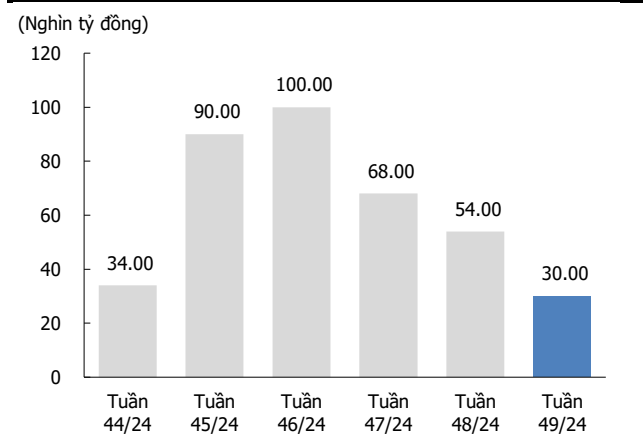
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Tín phiếu đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

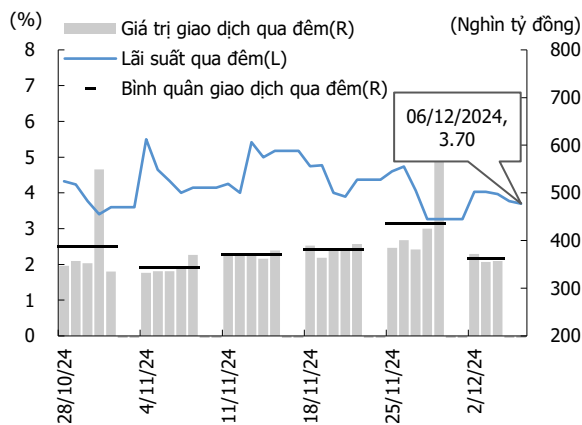
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn ngắn

Đường cong lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng đã tăng ở các kỳ hạn ngắn, trong khi các kỳ hạn dài hơn không thay đổi. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W), 1 tháng (1M), và 3 tháng (3M) lần lượt tăng 43đcb, 20đcb, 7đcb, 12đcb và 25đcb, đạt mức 3.70%, 4.00%, 4.20%, 4.35% và 4.80%. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày giảm đáng kể với mức giảm 17.11% so với tuần trước, xuống còn 361.57 nghìn tỷ đồng.

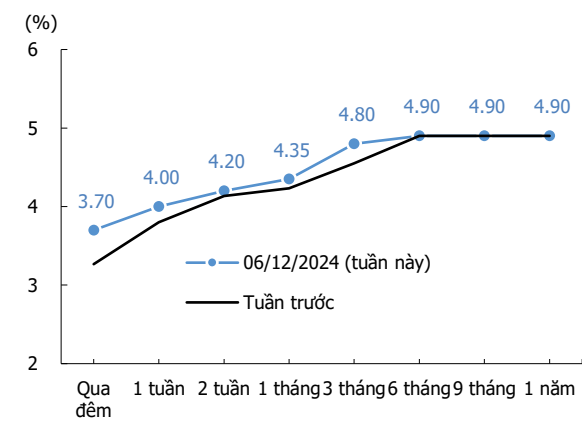
Diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong tuần này được thúc đẩy bởi lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh khi áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng đã hạ nhiệt, khiến NHNN tái phát hành tín phiếu kỳ hạn 14 ngày để ngăn sự giảm sâu của lãi suất ở thị trường 2 để hạn chế áp lực lên tỷ giá. Những tuần cuối cùng trong năm dự kiến tỷ giá sẽ được ổn định khi lãi suất liên ngân hàng có thể sẽ tiếp tục chịu áp lực, khi NHNN đã triển khai các chương trình kích thích tăng trưởng tín dụng, điển hình là thông báo nâng hạn mức tín dụng cho các ngân hàng, qua đó tăng trưởng tín dụng đã tăng với tốc độ đáng kể và đạt 12.5% trong tuần này.

Hình 8. Giao dịch liên ngân hàng



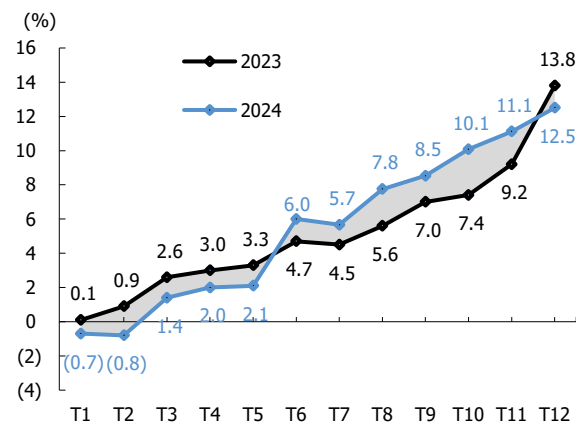
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 9. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

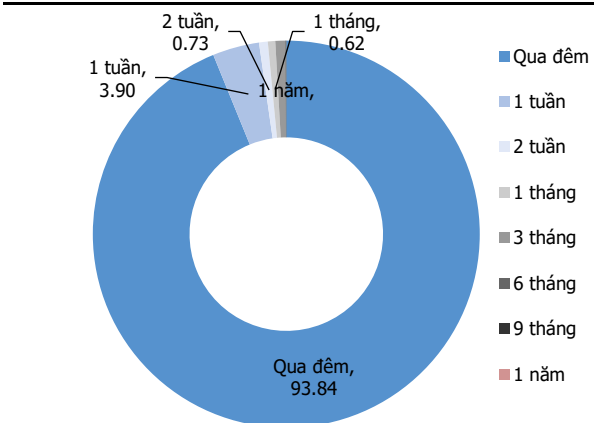
Hình 10. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 5 tháng năm 2024

Hình 11. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc

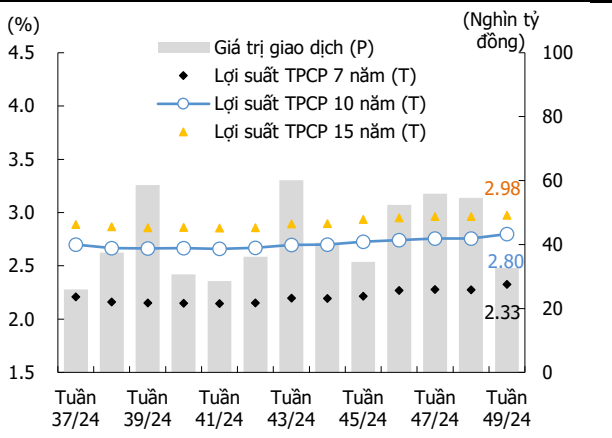


Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP phân hóa

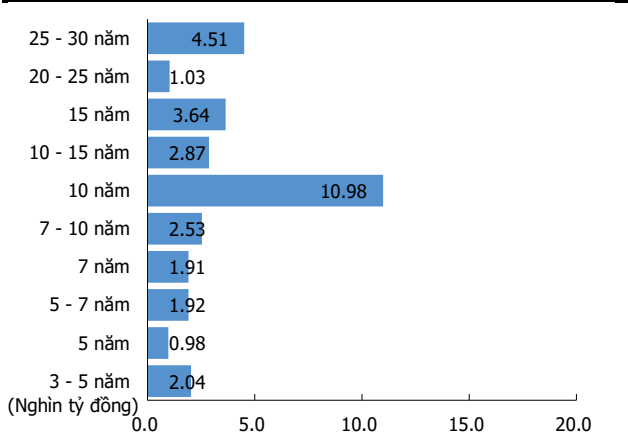
Trong tuần, lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) biến động đa chiều so với tuần trước đó, trong khi giá trị giao dịch giảm đáng kể. Cụ thể, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 1 năm, 2 năm và 3 năm đều giảm 1 điểm cơ bản lần lượt xuống mức 1.84%, 1.85% và 1.87%. Mặt khác, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 4 năm, 5 năm, 7 năm và 10 năm tăng 1đcb, 3 đcb, 5đcb và 4đcb lần lượt đạt 1.93%, 2.00%, 2,33% và 2.80%. Tổng giá trị giao dịch giảm mạnh xuống còn 32.63 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày đạt 6.53 nghìn tỷ đồng, giảm 40.29% so với tuần trước. Sau ba tuần giao dịch sôi động, giá trị giao dịch giảm mạnh đã cho thấy nhu cầu của nhà đầu tư đã giảm đi trong tuần này.

Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



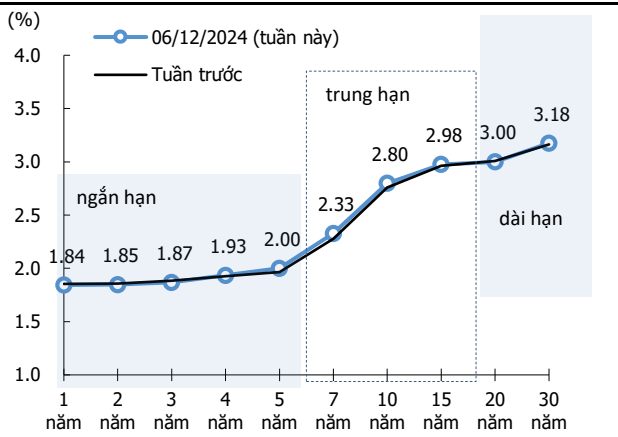
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



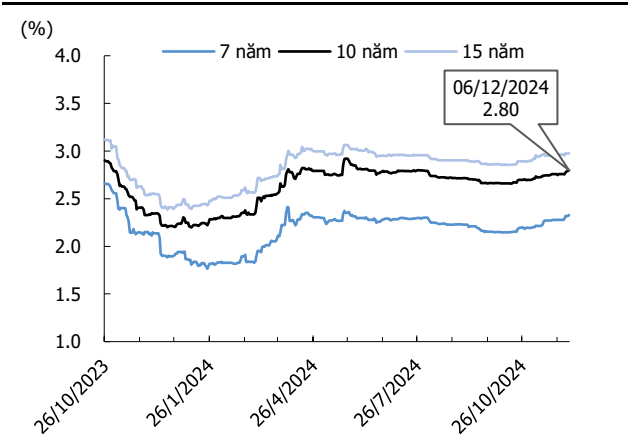
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

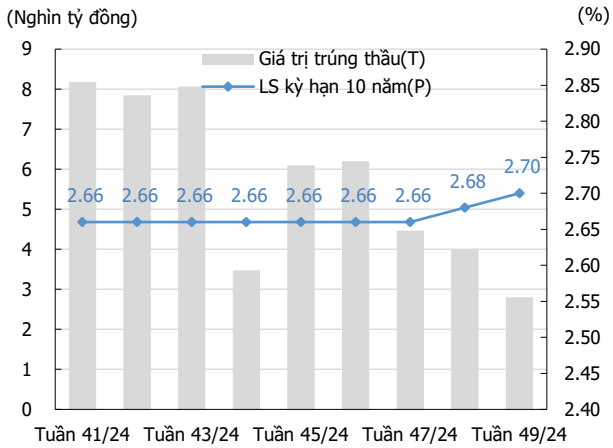
Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

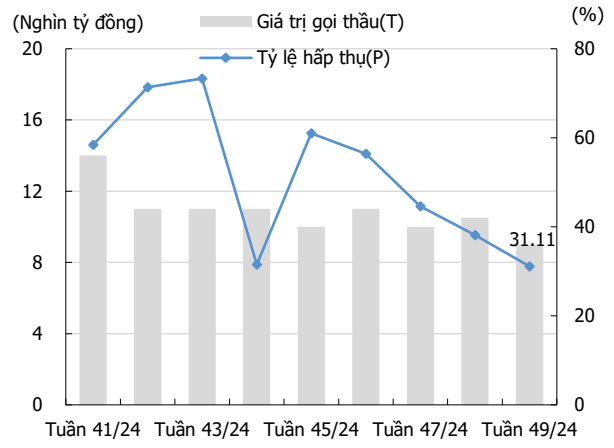
Trên thị trường sơ cấp, tuần 49 cho thấy nhu cầu tiếp tục giảm trong 3 tuần liên tiếp, với lãi suất trúng thầu tăng nhẹ và giá trị trúng thầu tiếp tục giảm. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 2.80 nghìn tỷ đồng trong tuần, với lãi suất trúng thầu tăng nhẹ 2đcb lên mức 2.70%. Tính đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 326.31 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm, đạt 81.58% mục tiêu năm 2024. Tiến độ năm nay nhanh hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái, với tốc độ hoàn thành cao hơn 3.89% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần



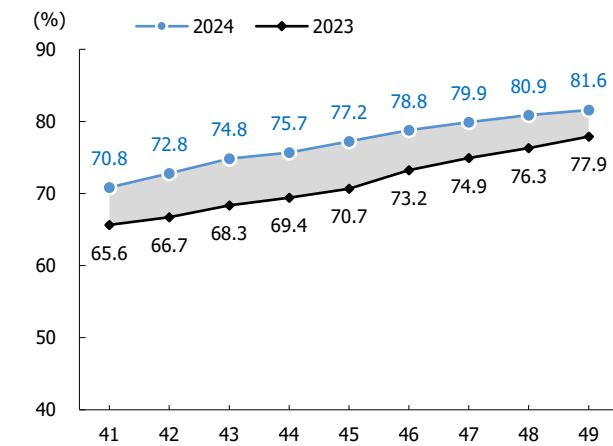
Nguồn: HNX, KIS

Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần



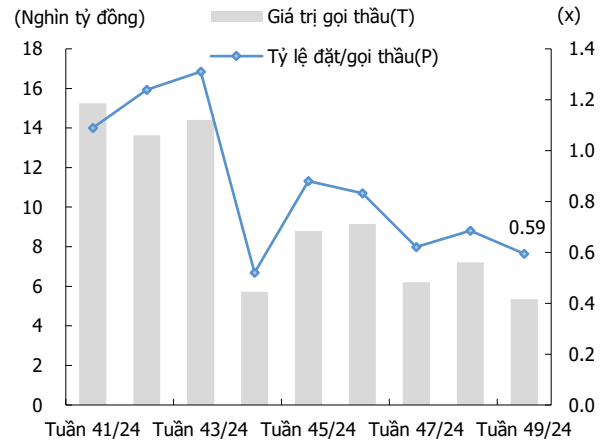
Nguồn: HNX, KIS

Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024



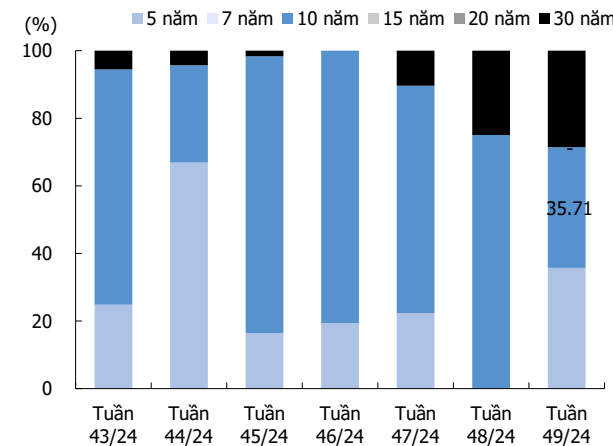
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



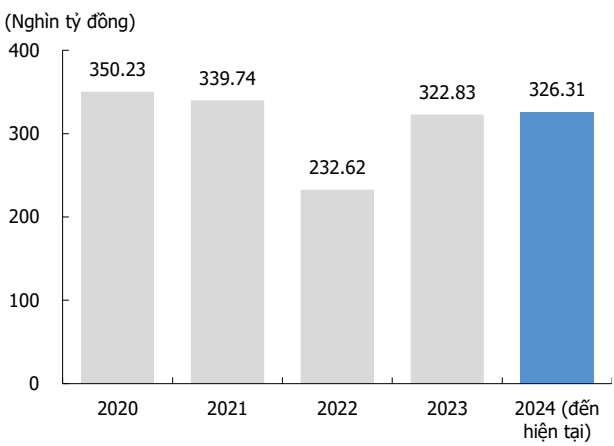
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

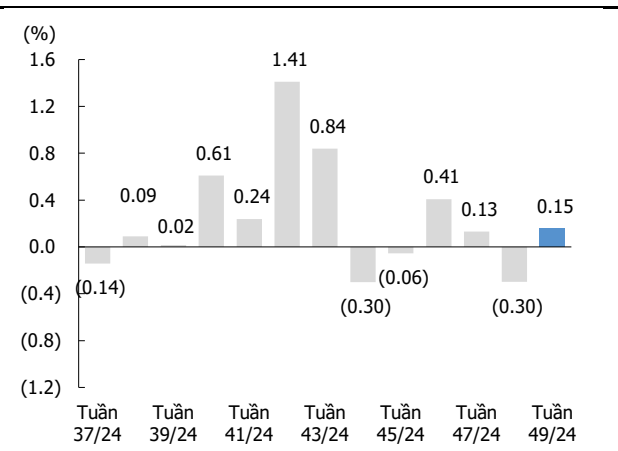
IV. USDVND quay lại đà tăng

DXY lấy lại đà tăng

Tuần này, tỷ giá USDVND đã quay lại đà tăng sau khi giảm mạnh trong tuần trước, động lực chủ yếu do sự phục hồi của chỉ số DXY. Tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng tăng 0.15% tương đương 39 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,385 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường toàn cầu, DXY tăng 0.30%, đạt mức 106.1 vào cuối tuần. Chỉ số DXY tăng mạnh đầu tuần nhờ dữ liệu kinh tế tích cực từ Mỹ, đặc biệt là chỉ số PMI ngành sản xuất. Bên cạnh đó, tuyên bố của Tổng thống Trump về việc Mỹ đe dọa áp đặt thuế quan 100% đối với các quốc gia BRICS nếu họ phát triển một đồng tiền chung đã thúc đẩy tâm lý đầu tư vào đồng USD. Tuy nhiên, dữ liệu thị trường lao động tháng 11 cho thấy dấu hiệu đã hạ nhiệt với số lượng việc làm phi nông nghiệp vượt kỳ vọng, tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp cũng cao hơn dự báo. Điều này đã làm dấy lên kỳ vọng rằng Fed có thể giảm lãi suất 0.25% trong cuộc họp sắp tới. Nếu điều này xảy ra, USD có thể mất đà tăng và điều chỉnh giảm trong những tuần tới. Trong nước, khối ngoại cũng quay lại bán ròng nhẹ trên HOSE, với tổng giá trị là 160 tỷ đồng, chiếm 0.2% giá trị giao dịch tuần. Bên cạnh đó, thặng dư thương mại 1.07 tỷ USD trong tháng 11 đã giúp giảm bớt áp lực tỷ giá. Tuy nhiên, điều này vẫn không đủ mạnh để bù đắp lại sự tăng giá mạnh của USD, khiến tác động của thặng dư thương mại không đáng kể trong tuần qua.

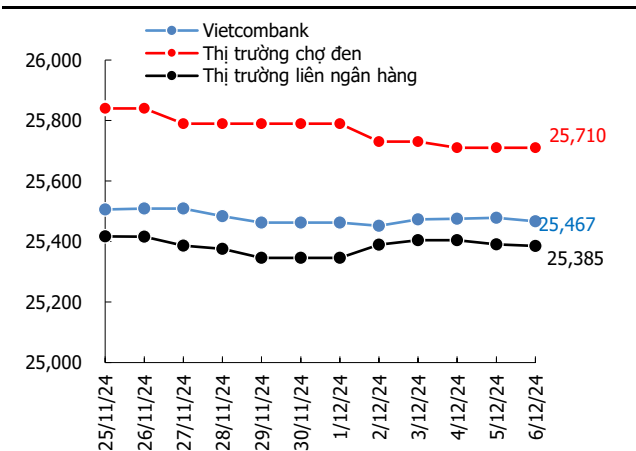
Về diễn biến thị trường ngoại tệ, giá mua tại Vietcombank tăng 0.02% hay 4 điểm phần trăm, trong khi giá ở thị trường chợ đen tăng 0.31% hay 80 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào thứ Sáu, giá mua tại Vietcombank và thị trường chợ đen lần lượt ghi nhận ở mức 25,467 và 25,710 đồng cho một USD.

Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần



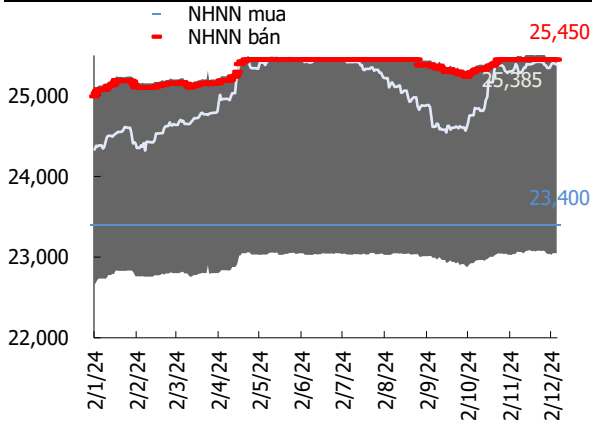
Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



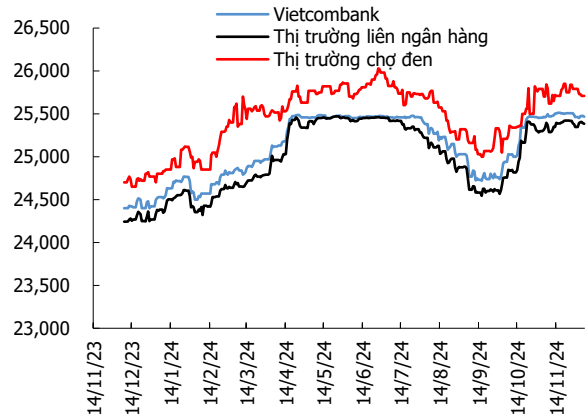
Nguồn: TCTT, KIS

Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN



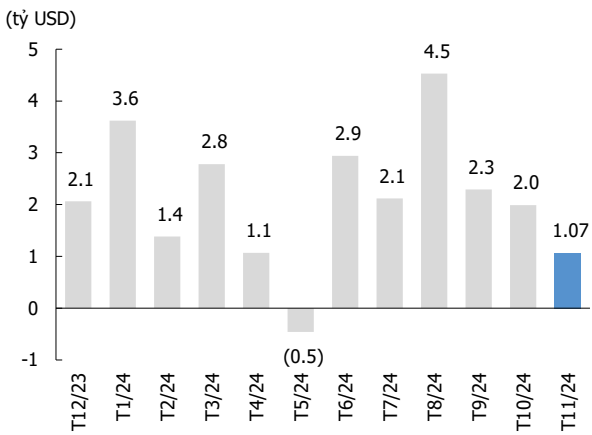
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



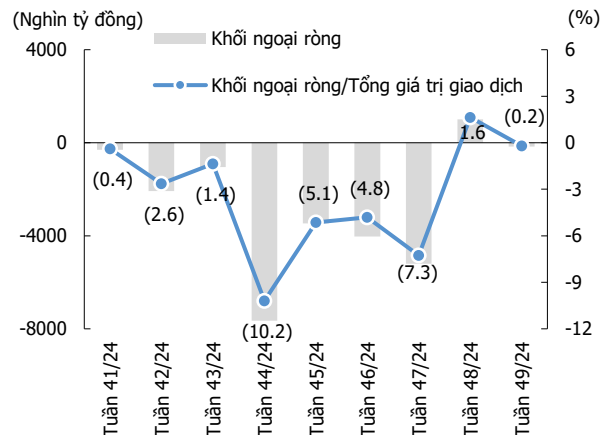
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



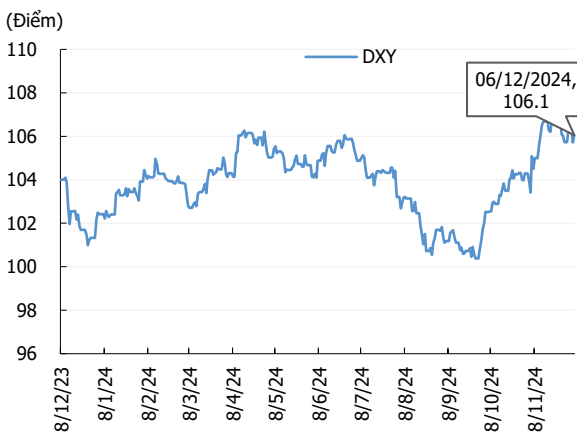
Nguồn: NHNN, Bloomberg
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 12, 2024

Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg

Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

Tỷ giá	Cơ chế	47W24	48W24	49W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	0.81	-1.69	0.30	4.66
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.26	-0.02	0.34	2.42
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-1.16	1.53	-0.09	-4.27
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	0.31	-3.24	0.15	6.35
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	0.54	-0.63	1.88	10.50
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	0.35	-0.53	0.24	1.70
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	-0.71	-0.79	-0.67	-0.20
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.13	-0.30	0.15	4.61

Nguồn: NHNN, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	2.82	2.53	4.26	2.48	4.12	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	35.92	37.59	34.05	35.59	33.73	96.53	93.06	98.2	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	33.80	33.06	31.76	33.60	32.67	90.17	84.98	94.0	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	19.11	14.54	10.70	10.09	8.16	8.80	16.98	13.59	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	24.73	12.38	11.06	13.56	9.81	8.01	13.88	20.65	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.36	3.45	2.63	2.68	2.77	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,320	24,860	24,093	25,282	25,346	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.1	14.9	14.6	16.6		10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.79	2.83	2.66	2.70	2.76	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

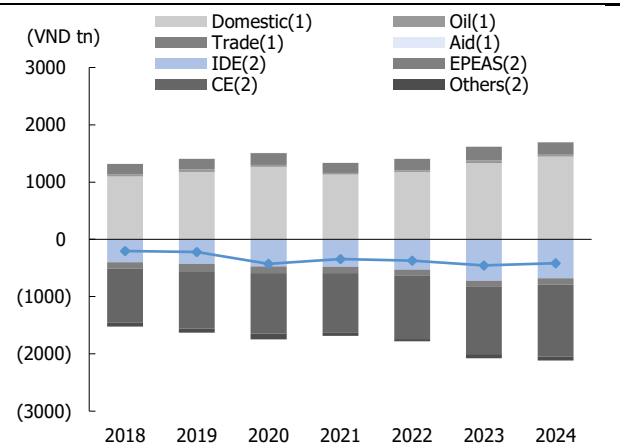
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

**Khái niệm

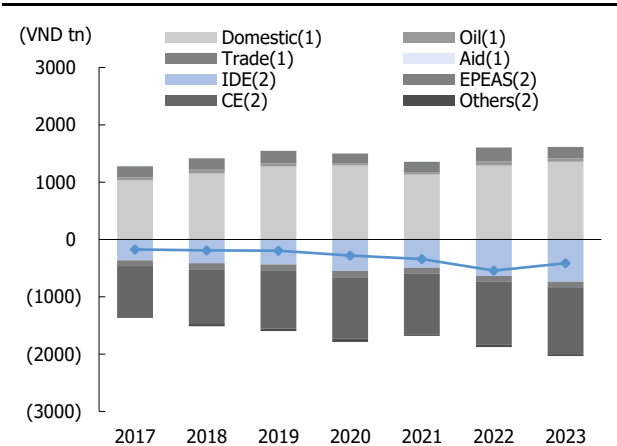
- * Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.70%
- * Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 31.11%
- * Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.59%
- * DXY = Chỉ số giá USD Index, ~106.1
- * OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- * Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- * ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.70%

Phụ lục

Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến



Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2020	2021	2022	2023	1Q24	2Q24
Cán cân vãng lai	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	5.2	4.5
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	92.9	97.9
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	81.0	89.3
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	11.9	8.5
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.7	5.5
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.0	8.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	9.0	5.4
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	4.3	3.8
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.0	1.1
Cán cân tài chính	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	1.4	(6.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	3.6	5.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(0.5)	(1.6)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	0.2	(5.2)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(1.8)	(4.4)
Lỗi và sai sót	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(8.0)	(4.3)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	1.4	6.1

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.